TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 339/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/3/2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Giang

2. Bà Phạm Thị Phạm Hương

- ***Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BT, TPHCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1048/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST– HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Ngọc H, sinh năm: 1980.

Hộ khẩu thường trú: 278 đường CL, phường BTĐ A, quận BT, TPHCM.

2. Bị đơn: Ông Lương Kim T, sinh năm: 1977

Hộ khẩu thường trú: 278 đường CL, phường BTĐ A, quận BT, TPHCM.

Tạm trú: 120 đường TPP, phường BTĐ, quận BT, TPHCM.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 09/7/2018 của Bà Bùi Ngọc H và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn là Bà Bùi Ngọc H trình bày: Bà và Ông Lương Kim T chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2007, cấp ngày 22/3/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không có sự chia sẽ với nhau từ việc gia đình cho đến công việc của cả hai. Ông T không tin tưởng vợ nên không chia sẽ, trải lòng với bà H nên mỗi người tự sống cuộc sống của mình. Bà H nhiều lần khuyên ông T đem vợ con về sống chung một nhà, nhưng ông T không đồng ý. Tòa án đã cho thời gian để hai bên hàn gắn tình cảm và bà H cũng đã cho ông T rất nhiều cơ hội, nhưng bà H nhận thấy ông T không có sửa đổi mà chỉ là hứa hẹn. Trong quá trình chung sống, ông T chưa lo được gì cho vợ và các con, bà H phải gồng gánh cho gia đình, ông T đã thuê nhà ở riêng, nhưng lại không đưa vợ con sống cùng. Từ những nguyên nhân trên, nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Lương Kim T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lương Ngoc Nh, sinh ngày 04/12/2007 và Lương Ngoc H, sinh ngày 20/7/2013. Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà H khai không có.

Bị đơn là Ông Lương Kim T trình bày: ông và Bà Bùi Ngọc H chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2007, cấp ngày 22/3/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đúng như lời trình bày của bà H và cho biết thêm: Trong cuộc sống gia đình vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng cũng có xảy ra những mâu thuẫn nhỏ. Hai bên không có sống ly thân. Ông T ghi nhận lỗi lầm của bản thân và đồng ý thay đổi cho cuộc sống gia đình tốt hơn. Ông T sẵn sàng chia sẽ cuộc sống để không sai lầm như trước đây. Ông T không đồng ý ly hôn, vì ông còn tình cảm với vợ, ông sẽ cố gắng giúp đỡ vợ trong việc nuôi dạy các con, hỗ trợ tài chính đầy đủ để cuộc sống gia đình thoải mái hơn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Lương Ngoc Nh, sinh ngày 04/12/2007 và Lương Ngoc H, sinh ngày 20/7/2013. Ông T không đồng ý ly hôn, nên ông không có ý kiến về việc ai sẽ nuôi con mà con sẽ do cả hai cùng nuôi.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là Bà Bùi Ngọc H có đơn xin vắng mặt, bị đơn là Ông Lương Kim T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận BT phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và

đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, giao con chung tên Lương Ngọc Nh và Lương Ngọc H cho bà H nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: ông T và bà H tự khai không có nên không xét. Về nợ chung: ông T và bà H tự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn xin ly hôn của Bà Bùi Ngọc H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn", bị đơn Ông Lương Kim T có nơi cư trú tại số 120 đường TPP, phường BTĐ, quận BT, TPHCM. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2007, cấp ngày 22/3/2007 của Ủy ban nhân dân phường BTĐ A, quận BT, TPHCM cùng lời khai của các đương sự về việc tự nguyện kết hôn với nhau nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn Bà Bùi Ngọc H đối với Ông Lương Kim T. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên thì trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà H là do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự tin tưởng, mỗi người có cuộc sống riêng mà không có sự chia sẻ lẫn nhau, vợ chồng mà mỗi người sống một nơi dù bà H đã nhiều lần khuyên nhủ chồng cả gia đình về sống chung nhưng vẫn không được. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì "vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau" nhưng ở gia đình bà H, ông T lại không có điều này. Tòa án cũng đã mở nhiều phiên hòa giải để ông bà có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Ông T tuy có yêu cầu đoàn tụ với bà H, có nhận hết lỗi lầm và thiếu sót của bản thân nhưng không sửa đổi thiếu sót. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà H, ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông T, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H và không có cơ sở chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông T.

[4] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lương Ngọc Nh, sinh ngày 04/12/2007 và Lương Ngọc H, sinh ngày 20/7/2013.

Xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Tuy nhiên, trẻ Nhung và Hân là con gái, đang trong độ tuổi phát triển tâm sinh lý nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Bà H có việc làm ổn định, có thời gian và khả năng tài chính đảm bảo việc nuôi con. Hai trẻ đã và đang chung sống với bà H, do đó không nên làm xáo trộn cuộc sống của các con. Mặc khác nguyện vọng của trẻ Nhung cũng muốn được sống cùng mẹ. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao trẻ Lương Ngoc Nh và Lương Ngoc H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: hai bên tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về nội dung vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Bùi Ngọc H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật nhưng được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029762 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Tân. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Bùi Ngọc H đối với Ông Lương Kim T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2007, cấp ngày 22/3/2007 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Lương Ngoc Nh, sinh ngày 04/12/2007 và Lương Ngoc H, sinh ngày 20/7/2013. Giao trẻ Lương Ngoc Nh và Lương Ngoc H cho Bà Bùi Ngọc H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Bùi Ngọc H không yêu cầu Ông Lương Kim T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Ngọc H và Ông Lương Kim T tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Bà Bùi Ngọc H phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu số 0029762 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
-Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
-Các đương sự;
-Nơi đăng ký kết hôn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-Lưu văn thư, hồ sơ.

Lê Thị Tuyết